



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQP ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 028 73035556
- Fax: (84) 028 38300702
- Website: www.phuongnam.edu.vn

Lĩnh vực kinh doanh chính

Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên đến ngày 30/06/2024 là 117 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 25 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------|------------------------------|
| Ông Lê Huy | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| Ông Đinh Gia Lê | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| Ông Nguyễn Phong Yên | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2023 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Đỗ Huy Kiên | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 09/04/2022 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2022 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 12/06/2024 |
| • Bà Bùi Thu Giang | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18/11/2021 |
| • Ông Nguyễn Phong Yên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 31/05/2022 |
| • Bà Phạm Lan Anh | Kế toán trưởng | Tái bổ nhiệm ngày 31/05/2022 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 961/2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2024

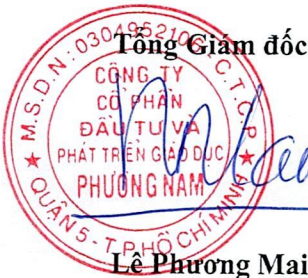
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786.346.149.980	428.718.041.355
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	46.897.671.757	78.267.307.155
1. Tiền	111		28.897.671.757	58.267.307.155
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.153.136.129	58.543.523.508
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	384.438.547.599	63.273.603.777
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.444.084.118	1.470.248.096
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.663.724.843	739.279.072
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.393.220.431)	(6.939.607.437)
IV. Hàng tồn kho	140	10	347.426.663.870	284.119.977.038
1. Hàng tồn kho	141		383.067.102.674	325.990.072.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.640.438.804)	(41.870.095.773)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.868.678.224	7.787.233.654
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	7.593.642.550	7.787.233.654
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		159.909.091	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	115.126.583	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		103.483.258.100	104.530.253.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.610.089.898	22.610.089.898
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	22.610.089.898	22.610.089.898
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		56.786.573.191	57.123.397.601
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	56.786.573.191	57.123.397.601
- Nguyên giá	222		78.449.464.928	78.068.127.157
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.662.891.737)	(20.944.729.556)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		1.839.737.688	1.839.737.688
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.737.688)	(1.839.737.688)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	770.000.000	770.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		770.000.000	770.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		23.316.595.011	24.026.766.241
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	23.316.595.011	24.026.766.241
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		889.829.408.080	533.248.295.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		583.671.781.153	236.089.840.210
I. Nợ ngắn hạn	310		583.671.781.153	236.089.840.210
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	356.674.550.609	46.739.325.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	7.866.352.872	3.807.086.518
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.873.351.905	11.771.364.905
4. Phải trả người lao động	314		17.695.237.378	17.118.942.279
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	97.270.812.320	66.597.575.270
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.527.657.842	377.566.680
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	83.422.081.050	70.355.235.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.341.737.177	19.322.743.177
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306.157.626.927	297.158.454.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	306.157.626.927	297.158.454.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Cổ phiếu quỹ	415	21	(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	192.977.228.612	172.691.066.328
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	21	1.886.452.483	1.886.452.483
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	22.906.872.042	34.193.862.284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.906.872.042	34.193.862.284
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		889.829.408.080	533.248.295.095

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng


Phạm Lan Anh

Người lập


Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	705.688.078.611	523.650.100.113
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	300.673.810	1.238.926.522
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		705.387.404.801	522.411.173.591
4. Giá vốn hàng bán	11	24	547.759.602.719	388.158.449.687
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		157.627.802.082	134.252.723.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	497.068.589	603.056.792
7. Chi phí tài chính	22	26	2.304.858.827	2.410.119.163
Trong đó: Chi phí lãi vay		23	1.482.003.426	2.117.281.184
8. Chi phí bán hàng	25	27.a	96.526.288.865	78.078.639.129
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27.b	29.950.461.959	26.910.495.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.343.261.020	27.456.527.154
11. Thu nhập khác	31	28	354.545.455	39.151.853
12. Chi phí khác	32	29	91.940.932	15.356.282
13. Lợi nhuận khác	40		262.604.523	23.795.571
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.605.865.543	27.480.322.725
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	6.698.993.501	6.317.923.982
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.906.872.042	21.162.398.743
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.051	1.894
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.051	1.894

Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng



Phạm Lan Anh

Người lập



Nguyễn Thị Phương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	388.281.727.333	268.711.851.063
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(362.050.220.699)	(288.288.351.581)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(27.342.739.827)	(17.783.856.457)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1.448.818.708)	(2.141.886.552)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(10.143.587.349)	(5.135.587.723)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.615.555.449	2.790.824.804
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.406.164.526)	(17.240.877.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.494.248.327)	(59.087.883.697)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.794.490.909)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	354.545.455	41.818.181
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	10.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	405.413.033	603.056.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.034.532.421)	10.644.874.973
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	96.133.573.860	129.416.292.628
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(83.066.728.510)	(81.129.784.087)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.907.700.000)	(13.907.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(840.854.650)	34.378.808.541
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(31.369.635.398)	(14.064.200.183)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	78.267.307.155	70.984.127.588
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	46.897.671.757	56.919.927.405



Tổng Giám đốc

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDĐT ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 8 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2021 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại các loại sách và thiết bị giáo dục.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp hai lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.5 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3

4.6 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phân ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phân ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%;
 - + Lịch, thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất 10%. Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2024, hoạt động này được áp dụng thuế suất 8% theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP của Chính phủ.
 - + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	73.131.994	93.543.209
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.824.539.763	58.173.763.946
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	18.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	46.897.671.757	78.267.307.155

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh	88.280.766.073	-
Công ty CP Sách- Thiết bị Trường học Tiền Giang	28.644.813.725	9.134.675.155
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Cửu Long	2.136.367.675	5.219.738.735
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đắk Lắk	39.317.174.178	-
Các đối tượng khác	226.059.425.948	48.919.189.887
Cộng	384.438.547.599	63.273.603.777

Trong đó, tổng giá trị các khoản phải thu đã thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2024 là 70.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	1.207.566.768	2.202.556.968
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	565.110.840
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	-	307.255.498
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	13.265.765.654	371.129.234
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	6.712.601.319	2.160.899.450
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	1.307.457.331	1.308.494.181
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	88.280.766.073	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	61.310.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	7.928.488.236	2.388.199.451
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư	2.136.367.675	5.219.738.735
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	3.158.034.127	1.206.008.687
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư	1.261.415.199	1.406.197.299
Cộng		125.319.772.382	17.135.590.343

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	1.500.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục AES	1.256.501.591	-
Trả trước cho các đối tượng khác	3.687.582.527	470.248.096
Cộng	6.444.084.118	1.470.248.096

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	1.500.000.000	1.000.000.000
Cộng		1.500.000.000	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia (Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định - Bên liên quan)	100.100.000	-	-	-
Phải thu về thuế TNCN của NLĐ	-	-	522.794.955	-
Tạm ứng	1.419.323.843	-	97.627.673	-
Ký quỹ, ký cược	144.301.000	-	110.412.000	-
Lãi dự thu	-	-	8.444.444	-
Cộng	1.663.724.843	-	739.279.072	-

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	387.720.000	387.720.000
Cộng	22.610.089.898	22.610.089.898

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam - bên liên quan) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Theo báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành, tổng giá trị quyết toán công trình là 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%). Ngày 15/12/2018, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 02 nhằm thay đổi tỷ lệ phân chia lợi nhuận trước thuế, cụ thể như sau: Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (37,5%), Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (25%), Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (37,5%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2024	Năm 2023
Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu kỳ	6.939.607.437	8.232.414.278
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ	1.453.612.994	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ	-	(1.292.806.841)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối kỳ	8.393.220.431	6.939.607.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.661.629.983	563.799.922	42.909.691.394	1.495.482.512
Chi phí SX, KD dở dang	9.060.908.389	-	14.395.954.977	-
Thành phẩm	129.387.683.824	13.723.934.136	89.651.583.109	10.578.174.549
Hàng hóa	223.956.880.478	21.352.704.746	179.032.843.331	29.796.438.712
Cộng	383.067.102.674	35.640.438.804	325.990.072.811	41.870.095.773

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 30/06/2024 là 42.197.077.550 đồng.
- Giá trị hàng tồn kho đã cầm cố thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 30/06/2024 là 90.000.000.000 đồng.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	3.998.190.048	3.066.844.424
Chi phí tổ chức bán thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	3.152.012.502	4.162.469.230
Chi phí trả trước khác	443.440.000	557.920.000
Cộng	7.593.642.550	7.787.233.654

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho CBNV	1.637.250.000	2.012.350.000
Chi phí thuê đất (*)	21.679.345.011	22.014.416.241
Cộng	23.316.595.011	24.026.766.241

(*) Xem Thuyết minh số 36.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT	-	1.416.572.704	847.355.560	1.719.840.560	-	544.087.704
Thuế TNDN	-	7.773.858.049	6.698.993.501	10.143.587.349	-	4.329.264.201
Thuế TNCN	-	2.580.934.152	1.266.326.397	3.962.387.132	115.126.583	-
Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	8.314.882	8.314.882	-	-
Cộng	-	11.771.364.905	8.824.990.340	15.838.129.923	115.126.583	4.873.351.905

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	58.772.601.672	3.960.756.230	14.961.234.687	373.534.568	78.068.127.157
Mua sắm trong kỳ	-	-	1.794.490.909	-	1.794.490.909
T/lý, nhượng bán	-	-	1.413.153.138	-	1.413.153.138
Số cuối kỳ	58.772.601.672	3.960.756.230	15.342.572.458	373.534.568	78.449.464.928
Khấu hao					
Số đầu kỳ	4.007.841.389	1.770.611.634	14.854.521.418	311.755.115	20.944.729.556
Khấu hao trong kỳ	1.191.255.787	660.126.037	249.193.769	30.739.726	2.131.315.319
T/lý, nhượng bán	-	-	1.413.153.138	-	1.413.153.138
Số cuối kỳ	5.199.097.176	2.430.737.671	13.690.562.049	342.494.841	21.662.891.737
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	54.764.760.283	2.190.144.596	106.713.269	61.779.453	57.123.397.601
Số cuối kỳ	53.573.504.496	1.530.018.559	1.652.010.409	31.039.727	56.786.573.191

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 12.420.272.430 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phân mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao		
Số đầu kỳ	1.839.737.688	1.839.737.688
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.839.737.688	1.839.737.688
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 1.839.737.688 đồng.
- Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

				30/06/2024		01/01/2024	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định (*)	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
Cộng				770.000.000	-	770.000.000	-

(*) Cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định hiện không niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán. Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 30/06/2024. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	270.465.059.221	7.968.329.649
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	19.864.892.558	2.700.296.648
Phải trả cho các đối tượng khác	66.344.598.830	36.070.699.384
Cộng	356.674.550.609	46.739.325.681

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	270.465.059.221	7.968.329.649
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư	31.416.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	188.722.955
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	19.864.892.558	2.700.296.648
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	6.901.496.624	4.295.828.584
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.995.733	1.001.995.733
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	352.468.339	189.497.699
Cộng		297.617.328.475	16.344.671.268

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	-	86.745.208
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	1.667.769.959	-
Đối tượng khác	6.198.582.913	3.720.341.310
Cộng	7.866.352.872	3.807.086.518

Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	-	86.745.208
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	37.421.010	-
Cộng		37.421.010	86.745.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí phải trả về biên tập sách	643.233.580	1.948.652.500
Chi phí lãi vay phải trả	136.005.032	102.820.314
Phí bản quyền và chi phí bản thảo phải trả	32.755.392.043	62.153.230.600
Chi phí phải trả khác	63.736.181.665	2.392.871.856
Cộng	97.270.812.320	66.597.575.270

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	211.561.840	377.566.680
Thuế TNCN phải trả cho CNV	1.198.489.762	-
Phải trả khác	117.606.240	-
Cộng	1.527.657.842	377.566.680

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	70.355.235.700	96.133.573.860	83.066.728.510	83.422.081.050
- Ngân hàng HSBC	33.899.465.804	56.898.971.504	33.899.465.804	56.898.971.504
- Ngân hàng Standard Chartered	18.771.418.586	32.380.146.776	31.482.911.396	19.668.653.966
- Ngân hàng HongLeong Bank	17.684.351.310	6.854.455.580	17.684.351.310	6.854.455.580
Cộng	70.355.235.700	96.133.573.860	83.066.728.510	83.422.081.050

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	155.131.558.902	1.886.452.483	31.467.207.426	276.872.292.601
Tăng trong năm	-	-	-	17.559.507.426	-	41.197.424.439	58.756.931.865
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	38.470.769.581	38.470.769.581
Số dư tại 31/12/2023	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>(11.541.426.210)</u>	<u>172.691.066.328</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>34.193.862.284</u>	<u>297.158.454.885</u>
Số dư tại 01/01/2024	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885
Tăng trong kỳ	-	-	-	20.286.162.284	-	22.906.872.042	43.193.034.326
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	34.193.862.284	34.193.862.284
Số dư tại 30/06/2024	<u>100.000.000.000</u>	<u>(71.500.000)</u>	<u>(11.541.426.210)</u>	<u>192.977.228.612</u>	<u>1.886.452.483</u>	<u>22.906.872.042</u>	<u>306.157.626.927</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49.328.000.000	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ (tính theo mệnh giá)	7.282.000.000	7.282.000.000
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

c. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	728.200	728.200
- Cổ phiếu phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.271.800	9.271.800
- Cổ phiếu phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	34.193.862.284	31.467.207.426
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	22.906.872.042	41.197.424.439
Phân phối lợi nhuận	34.193.862.284	38.470.769.581
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	34.193.862.284	31.467.207.426
- Trích quỹ đầu tư phát triển	20.286.162.284	17.559.507.426
- Chia cổ tức cho cổ đông	13.907.700.000	13.907.700.000
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	7.003.562.155
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4.943.690.933
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	2.059.871.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.906.872.042	34.193.862.284

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 15/NQHCD-SED ngày 22/04/2024.

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 22/04/2024 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 15% (tương ứng 13.907.700.000 đồng). Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức vào ngày 31/05/2024, ngày thực hiện chi trả: 14/06/2024.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu xuất bán phẩm	697.289.549.659	517.535.153.095
Doanh thu khác	8.398.528.952	6.114.947.018
Cộng	705.688.078.611	523.650.100.113

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Hàng bán bị trả lại	300.673.810	1.238.926.522
Cộng	300.673.810	1.238.926.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn xuất bán phẩm	546.544.653.421	389.379.500.259
Giá vốn sản phẩm khác	7.444.606.267	5.253.957.945
Dự phòng/ (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(6.229.656.969)	(6.475.008.517)
Cộng	547.759.602.719	388.158.449.687

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi	304.568.589	603.056.792
Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.500.000	-
Cộng	497.068.589	603.056.792

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí lãi vay	1.482.003.426	2.117.281.184
Chiết khấu thanh toán	822.855.401	292.837.979
Cộng	2.304.858.827	2.410.119.163

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí vận chuyển	9.109.572.197	7.648.884.531
Tiền lương và các khoản trích theo lương	15.708.104.114	11.127.170.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.851.381.824	2.107.116.852
Chi phí mua ngoài	55.223.219.326	46.494.944.421
Các khoản khác	14.634.011.404	10.700.522.858
Cộng	96.526.288.865	78.078.639.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương và các khoản trích theo lương	14.489.984.532	13.168.009.142
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.933.495	932.652.396
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.453.612.994	(349.399.501)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.676.408.298	7.498.769.418
Các khoản khác	6.050.522.640	5.660.463.795
Cộng	29.950.461.959	26.910.495.250

28. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Thu nhập từ thanh lý tài sản	354.545.455	39.151.853
Cộng	354.545.455	39.151.853

29. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Các khoản khác	91.940.932	15.356.282
Cộng	91.940.932	15.356.282

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.605.865.543	27.480.322.725
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	2.040.455.462	1.989.223.533
Điều chỉnh tăng	2.232.955.462	1.989.223.533
Điều chỉnh giảm	192.500.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	31.646.321.005	29.469.546.258
Tổng thu nhập tính thuế	31.646.321.005	29.469.546.258
Thuế TNDN năm nay	6.329.264.201	5.893.909.252
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.698.993.501	6.317.923.982
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	6.329.264.201	5.893.909.252
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	369.729.300	424.014.730

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.906.872.042	21.162.398.743
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.894.168.247)	(3.597.607.786)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi) (*)	3.894.168.247	3.597.607.786
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.012.703.795	17.564.790.957
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	2.051	1.894

(*) Số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành dùng để điều chỉnh khi tính chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu căn cứ vào phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.683.837.416	58.062.635.311
Chi phí nhân công	30.198.088.646	24.295.179.609
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.131.315.319	3.039.769.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.439.223.118	188.924.132.787
Chi phí khác bằng tiền	20.879.458.870	16.560.112.253
Cộng	290.331.923.369	290.881.829.208

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Do đó để giảm thiểu rủi ro từ việc thay đổi giá của chi phí nguyên vật liệu và dịch vụ đầu vào, Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm, đàm phán giá thông qua việc tập trung số lượng đặt hàng lớn và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý.

Đối với các loại sách và thiết bị giáo dục thuộc diện kinh doanh thương mại, Công ty mua từ nhà cung cấp trong nước. Do đặc thù của các sản phẩm giáo dục là giá ổn định, ít biến động; nhà cung cấp trong cùng hệ thống, có quan hệ gắn kết lâu năm nên rủi ro biến động giá hàng hóa thấp.

Với đặc thù ngành và chính sách quản lý về giá như trên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, đa số thanh toán tiền hàng kịp thời. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND			
30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	356.674.550.609	-	356.674.550.609
Chi phí phải trả	97.270.812.320	-	97.270.812.320
Vay và nợ thuê tài chính	83.422.081.050	-	83.422.081.050
Cộng	537.367.443.979	-	537.367.443.979
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.739.325.681	-	46.739.325.681
Chi phí phải trả	66.597.575.270	-	66.597.575.270
Vay và nợ thuê tài chính	70.355.235.700	-	70.355.235.700
Cộng	183.692.136.651	-	183.692.136.651

Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.897.671.757	-	46.897.671.757
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	376.045.327.168	-	376.045.327.168
Phải thu khác	244.401.000	22.610.089.898	22.854.490.898
Cộng	423.187.399.925	23.380.089.898	446.567.489.823

01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.267.307.155	-	78.267.307.155
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	56.333.996.340	-	56.333.996.340
Phải thu khác	118.856.444	22.610.089.898	22.728.946.342
Cộng	134.720.159.939	23.380.089.898	158.100.249.837

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Tập đoàn ECI	Chung công ty đầu tư
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	Đơn vị trực thuộc của Công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023	
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Phí hội thảo	7.852.695.963	8.896.064.818
	Doanh thu điều chỉnh giá bìa SGK	914.527.500	-
	Cung ứng SGK	85.240.480.180	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Cung ứng SGK, STK	30.858.115.560	27.024.045.500
Công ty CP Sách thiết bị trường học Cần Thơ	Cung ứng SGK, STK	5.709.072.228	8.125.268.150
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	-	12.480.000
Công ty CP Học liệu	Cung ứng SGK, STK	1.116.687.430	1.813.122.065
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Cung ứng SGK, STK	126.464.143.770	116.844.262.285
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng SGK, STK, TBGD	6.304.660.081	9.735.688.350
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng SGK, STK	1.315.733.940	84.854.820
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cung ứng SGK, STK	8.768.064.150	6.779.357.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng STK	10.072.560	-
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng SGK, STK	2.715.982.100	6.336.782.827
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK	2.014.515.070	1.074.267.850
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cung ứng lịch, STK	784.045.144	38.556.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cung ứng STK	-	59.200.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cung ứng vật tư, STK	253.758.300	84.952.800
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua SGK,STK	-	5.696.790.108
	Phí xuất bản	4.559.602.350	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Phí giới thiệu SGK	241.760.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Mua SGK,STK	412.253.427.005	336.849.953.250
	Mua vật tư	967.440.000	1.022.100.000
	Phí xuất bản, phí bản quyền, tổ chức bản thảo	25.356.570.525	16.581.119.667
	Chi phí thuê văn phòng	889.121.251	671.664.772
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Phí biên tập tái bản	31.416.000	-
Công ty CP In sách giáo khoa tại TP. Hồ Chí Minh	Công in	-	591.013.450
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Mua SGK,STK	-	464.832.075
Công ty CP Học liệu	Mua SGK,STK	17.095.360	2.667.919.620
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Mua SGK,STK	20.694.286.592	7.333.390.237
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách hỗ trợ, STK	4.284.416.517	746.898.085
	Phí nhuận bút, tổ chức bản thảo, chi phí thể	39.344.281.940	39.492.848.640
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Mua SGK,STK	922.941.195	389.584.676
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Mua SGK,STK	6.842.266.200	7.965.480.000
	Chi phí bản thảo	99.768.518	-
	Phí nhuận bút, tổ chức bản thảo	1.939.910.000	1.489.885.000
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Mua SGK,STK	5.115.196.740	2.918.974.775
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Mua SGK,STK	62.489.630	304.252.800
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Phí tổ chức bản thảo	-	162.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua SGK,STK	28.842.000	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua SGK,STK	516.728.940	152.820.420
Khác			
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cổ tức, lợi nhuận được chia	192.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của Hội đồng quản trị đã nhận

			6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lê Huy	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	30.000.000	60.000.000
		Thưởng	209.956.636	178.000.000
Đình Gia Lê	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	36.000.000
		Thưởng	155.973.982	129.000.000
Lê Phương Mai	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	36.000.000
		Thưởng	155.973.982	129.000.000
Bùi Thu Giang	Ủy viên	Thù lao	-	-
		Thưởng	-	22.500.000
Nguyễn Thị Thu Hồng	Ủy viên	Thù lao	-	18.000.000
		Thưởng	-	129.000.000
Nguyễn Phong Yên	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	36.000.000
		Thưởng	155.973.982	106.500.000
Nguyễn Thị Thanh Xuân	Ủy viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
		Thưởng	116.980.486	-

d. Thù lao, tiền thưởng Ban kiểm soát đã nhận

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Thù lao của Ban kiểm soát	100.982.655	94.801.522

e. Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã nhận

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.503.012.000	1.910.963.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 19/01/2018 về việc thuê 12.571,9 m² đất ở Đường D4 và N2 Lô A 5, Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh để thực hiện dự án “Kho sách – Giấy Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam” theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7731323272 ngày 25/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất kể từ ngày 19/01/2018 đến 16/12/2054.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

38. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kế toán trưởng

Phạm Lan Anh

Người lập

Nguyễn Thị Phương